

NHỮNG HẠN CHẾ TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HCM

Đinh Ai Linh

ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Quản lý hoạt động học tập của sinh viên là một trong những nội dung của công tác giáo dục trong nhà trường. Quản lý hoạt động học tập tốt sẽ nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên.

Để khảo sát công tác quản lý hoạt động học tập của sinh viên ĐHQG-HCM, chúng tôi đã tiến hành cuộc điều tra xã hội học với 584 sinh viên thuộc các trường đại học thành viên ĐHQG-HCM. Kết quả cho thấy rằng sinh viên ĐHQG-HCM rất quan tâm đến việc học và dành nhiều thời gian cho học tập. Thời gian trung bình của sinh viên ĐHQG-HCM dành cho học tập là 6,6751 giờ/ngày. Tuy nhiên, hiệu quả học tập chưa cao do số sinh viên thiếu tích cực, tự giác trong học tập còn rất lớn.

Qua phân tích điều tra xã hội học chúng tôi đưa ra một số biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý học tập của sinh viên.

1. Dẫn nhập

Hoạt động chủ đạo của sinh viên là hoạt động học tập. Nhưng so với hoạt động học tập của học sinh phổ thông, việc học tập của sinh viên có nhiều điểm khác. Trước hết hoạt động học tập của học sinh, sinh viên cũng là quá trình nhận thức nhằm chiếm lĩnh những tri thức trong kho tàng trí tuệ của nhân loại. Điểm khác nhau là khi tiến hành hoạt động học tập, sinh viên không thể chỉ nhận thức thông thường mà tiến hành hoạt động nhận thức mang tính chất nghiên cứu trên cơ sở tư duy độc lập, sáng tạo phát triển ở mức độ cao để chuẩn bị cho một ngành nghề nhất định có chuyên môn năng lực cao. Vì vậy, hoạt động học tập của sinh viên còn gọi là

hoạt động học tập nghề nghiệp. Vấn học vấn tiếp thu được trong thời kỳ này hết sức quan trọng vì nó là công cụ để họ tiến hành tham gia vào lĩnh vực nghề nghiệp sau này và là nền tảng cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu. Một điều khác nữa so với hoạt động học tập của học sinh phổ thông thì hoạt động học tập của sinh viên mang tính tự giác, tích cực chủ động hơn. Sinh viên ngoài giờ lên lớp theo chương trình chính khoá, họ còn phải tích cực đọc thêm sách và tài liệu tham khảo để tự phát triển kiến thức cho mình, tranh thủ sự giúp đỡ của giảng viên để đào sâu kiến thức chuyên môn. Có như vậy, sau khi ra trường họ mới vững vàng trong công việc của mình.

Quản lý hoạt động học tập của sinh viên không chỉ giới hạn trong phạm vi đào tạo, giáo dục sinh viên ở trên lớp, trong trường, mà còn gồm cả việc sinh viên tham gia các hoạt động phong phú khác nhau như: hoạt động ngoài giờ lên lớp, học tập nhóm, tham gia câu lạc bộ, tự học, thực hành thực tập, tham quan, giao lưu, làm bài tập, sưu tầm, học ở thư viện....

Quản lý hoạt động học tập của sinh viên là một trong những nội dung của công tác quản lý giáo dục trong nhà trường, tiến hành theo quy chế Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quản lý hoạt động học tập của sinh viên bao hàm quản lý thời gian và chất lượng học tập, quản lý tinh thần thái độ và phương pháp học tập. Quản lý hoạt động học tập của sinh viên là quản lý để thực hiện đồng bộ và toàn vẹn các nhân tố: mục tiêu học tập, nội dung học tập, phương pháp học tập, chủ thể học tập, điều kiện- phương tiện học tập, quy chế học tập.... Lưu tâm thích đáng đến hoạt động học tập của người học chính là trung tâm của toàn bộ công tác tổ chức quản lý giáo dục trong nhà trường. Quản lý tốt hoạt động học tập của sinh viên sẽ nâng cao hiệu quả học tập ở sinh viên. Chất lượng học tập của sinh viên phản ánh chất lượng quản lý của nhà trường bởi *“Chất lượng giảng dạy và học tập phản ánh tập trung tình trạng và chất lượng chung của toàn bộ giáo dục; và xét về*

nguyên tắc, nó thống nhất với chất lượng quản lý, chất lượng nghiên cứu và thông tin, chất lượng đào tạo” [1]

Đại học Quốc gia Tp HCM (ĐHQG-HCM) là một trong hai đại học hàng đầu của cả nước về giáo dục đào tạo. ĐHQG-HCM là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, đạt trình độ tiên tiến, làm nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (Điều 6 chương 2- Quy chế ĐHQG-HCM theo QĐ 16/2001/QĐ-TTg ngày 12/2/2001). Số lượng sinh viên Đại học Quốc gia Tp HCM có trên 40.000 sinh viên thuộc các hệ đào tạo. Chiến lược trung hạn xây dựng và phát triển Đại học Quốc gia Tp HCM 2006-2010 đã nhấn mạnh 3 mũi đột phá trong đó mũi đột phá thứ nhất là *“Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học- chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế”*, do đó việc làm thế nào để nâng cao chất lượng đào tạo không phải chỉ phụ thuộc vào sự tác động của chủ thể quản lý mà còn ở việc phát huy tính chủ động, tích cực, tự giác của chính bản thân sinh viên. Thêm vào đó, Quản lý sinh viên không chỉ là việc điểm danh lên lớp hoặc quản lý về chính trị- tư tưởng của sinh viên mà phải đi sâu vào việc tìm hiểu sinh viên sử dụng quỹ thời gian của mình như thế nào để từ đó đưa ra các biện pháp quản lý giúp sinh

viên đạt hiệu quả trong học tập. Với giả định, công tác quản lý hoạt động học tập của sinh viên ĐHQG-HCM chưa đáp ứng được đòi hỏi nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên đáp ứng nhu cầu xã hội, và với mục đích tìm hiểu thực tế dẫn đến những hạn chế trong công tác quản lý hoạt động học tập của sinh viên ĐHQG-HCM, chúng tôi thực hiện cuộc điều tra xã hội học với sinh viên thuộc các trường đại học thành viên Đại học Quốc gia Tp HCM.

2. Phương pháp nghiên cứu:

Giai đoạn 1: Dùng bảng câu hỏi, chủ yếu là câu hỏi mở, xoay quanh các nội dung nghiên cứu. Trưng cầu ý kiến cán bộ, giảng viên và sinh viên ĐHQG-HCM về những hạn chế trong công tác quản lý hoạt động học tập của sinh viên ĐHQG-HCM.

Giai đoạn 2: Xây dựng bảng câu hỏi phiếu điều tra trên cơ sở các ý kiến thu được ở giai đoạn 1. Số phiếu điều tra phát ra trong sinh viên các trường thành viên ĐHQG-HCM là 640 phiếu và số phiếu thu được là 584 phiếu nhận được ý kiến phản hồi từ sinh viên ĐHQG-HCM (Cụ thể: Trường Đại học Xã hội- Nhân văn: 146 sinh viên, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên: 157 sinh viên, Trường Đại học Bách khoa: 201 sinh viên và khoa Kinh tế :80 sinh viên; Trong đó có : 261 nam và 323 nữ).

Giai đoạn 3: Sử dụng phương pháp toán thống kê ứng dụng dùng xử lý số liệu các kết quả thu thập được.

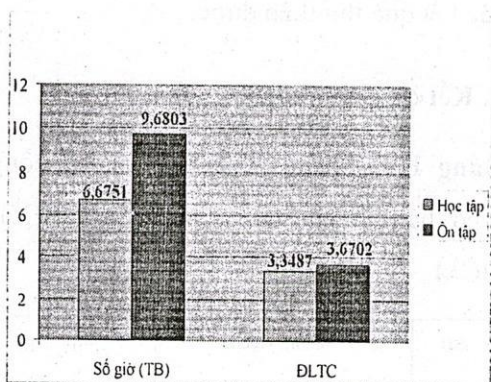
3. Kết quả nghiên cứu:

Bảng 1. Cách bố trí thời gian cho công việc hàng ngày của sinh viên ĐHQG-HCM

Stt	Công việc	N	Thứ bậc
1	Sinh hoạt cá nhân (Thế dục, ăn uống, ngủ, nghỉ ngơi)	1.891	2
2	Học	1.987	1
3	Vệ sinh nhà cửa	4	8
4	Làm thêm	19	6
5	Đi thư viện	8	7
6	Đọc sách	33	5
7	Làm việc khác	3	9
8	Chơi thể thao	76	4
9	Sinh hoạt Đoàn, Hội	1	10
10	Giải trí	256	3

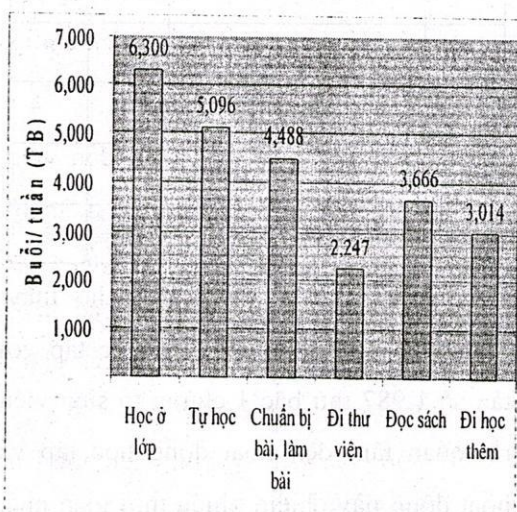
Qua kết quả của bảng 1 cho thấy: Sinh viên phân bổ thời gian học tập với tần số 1.987 thứ bậc 1 chứng tỏ sinh viên rất quan tâm đến hoạt động học tập và hoạt động này chiếm nhiều thời gian nhất của sinh viên ĐHQG-HCM. Kết quả này chứng tỏ sinh viên rất quan tâm đến việc học và dành nhiều thời gian cho việc học. Trái ngược với quan niệm cho rằng sinh viên ngày nay thờ ơ, lơ là việc học, không lo học....

Ngoài ra, thời gian học tập và ôn tập dành cho các kỳ thi như sau:



Biểu đồ 1. Thời gian trung bình mỗi ngày dành cho việc học tập và ôn tập của sinh viên

Qua biểu đồ 1 cho thấy thời gian trung bình mỗi ngày dành cho việc học tập của sinh viên 6,6751 và thời gian trung bình mỗi ngày sinh viên dành cho việc ôn tập là 9,6803 khẳng định nhận định trên.



Biểu đồ 2. Phân bố thời gian dành cho hoạt động học tập hàng tuần của sinh viên

Biểu đồ 2 thể hiện việc phân bố thời gian dành cho hoạt động học tập hàng tuần của sinh viên: Học ở lớp có thứ bậc cao nhất với trung bình 6,300 (thứ bậc 1),

tiếp đó là tự học (thứ bậc 2) với trung bình 5,096; Chuẩn bị bài, làm bài với trung bình 4,488 (thứ bậc 3). Sinh viên chủ yếu dành thời gian cho việc học ở lớp, tự học và chuẩn bị bài. Các hoạt động khác có tỷ lệ thấp: đọc sách (thứ bậc 4) với trung bình 3,666; Đi học thêm (thứ bậc 5) với trung bình 3,014; Đi thư viện (thứ bậc 6) với trung bình 2,247.

Như thế, sinh viên ĐHQG-HCM dành thời gian rất nhiều cho việc học tập nhưng kết quả vẫn chưa đạt như mong muốn. Chúng tôi tìm hiểu nguyên nhân thì thu được kết quả như sau:

Bảng 2. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong học tập của sinh viên.

Stt	Các nguyên nhân	Lựa chọn		Thứ bậc
		Đúng	%	
1	Do sinh viên thiếu tính tích cực, tự giác	496	84	1
2	Do sinh viên chưa nhận thức đúng ý nghĩa việc học tập	314	53,5	5
3	Công tác quản lý sinh viên học tập trong Nhà trường chưa tốt	297	50,6	6
4	Thiếu phòng thí nghiệm, phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác học tập	438	74,6	3
5	Do việc tổ chức cho sinh viên học tập chưa thực sự có sức thu hút về kế hoạch,	490	83,5	2

	nội dung, phương pháp.			
6	Do ảnh hưởng của các hoạt động khác	336	57,2	4

Qua kết quả của bảng 2 cho thấy nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong học tập của sinh viên được xếp ở thứ bậc cao đó là:

► Do sinh viên thiếu tính tích cực, tự giác có 496 sinh viên công nhận là đúng chiếm tỷ lệ 84% thứ bậc 1. Kết quả cho thấy sinh viên coi việc học tập là phương tiện chứ không phải mục đích như học lấy điểm cao, học để đạt học bổng, học để không phải thi lại, thậm chí học để bố mẹ vui lòng, học để đối phó... Học tập tích cực là quá trình tự biến đổi và làm phong phú bản thân mình bằng cách chọn và xử lý thông tin từ môi trường xung quanh. Tính tích cực, tự giác là điều cần phải có để sinh viên đạt được kết quả tốt trong học tập nhưng đây lại là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong học tập của sinh viên ĐHQG-HCM, sinh viên chưa phát huy được tính tích cực, tự giác trong các hoạt động học tập. Đa số sinh viên chúng ta thụ động. Trong học tập, sinh viên ghi chép làm theo lời thầy, theo sách vở hướng dẫn, theo bài mẫu mà không tìm tòi, đặt vấn đề, hoài nghi cái đã có; chưa tích cực học hỏi với thầy, học hỏi cùng bạn, đặt câu hỏi với thầy, với bạn; chưa tích cực học nhóm, chưa tổ chức tranh luận, thảo luận.

► Do việc tổ chức cho sinh viên học tập chưa thực sự có sức thu hút về kế hoạch, nội dung, phương pháp có 490 sinh viên đồng ý (chiếm tỷ lệ 83,5%) thứ bậc 2. Công tác tổ chức việc học tập cũng là vấn đề quan trọng và cần phải có tính kế hoạch, nội dung, phương pháp nhằm nâng cao chất lượng học tập và thu hút sinh viên say mê học tập nhưng tiếc rằng nhà trường chưa đáp ứng được điều đó.

► Ngoài ra cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm.... là điều kiện giúp sinh viên học tập tốt. Việc thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng là nguyên nhân chính hạn chế việc học tập của sinh viên. Thiếu phòng thí nghiệm, phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác học tập có 438 sinh viên đồng ý (chiếm tỷ lệ 74,6%) thứ bậc 3.

Các nguyên nhân liên quan đến việc nhận thức của sinh viên và việc quản lý của nhà trường nằm ở các thứ bậc thấp hơn như : Do ảnh hưởng của các hoạt động khác (thứ bậc 4); Do sinh viên chưa nhận thức đúng ý nghĩa việc học tập (thứ bậc 5), Công tác quản lý sinh viên học tập trong Nhà trường chưa tốt (thứ bậc 6).

Tóm lại, Hạn chế lớn nhất đối với sinh viên là ở thái độ học tập, cách học hay còn gọi là phương pháp, kế hoạch, nội dung học tập và trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc học của sinh viên.

- Chính bản thân sinh viên thiếu tính tích cực, tự giác trong học tập. Với thái độ trung bình chủ nghĩa, đa số sinh viên cho rằng chỉ cần qua (đạt) môn học là được. Ở đây phải nói đến tâm lý thờ ơ, thiếu cảm xúc, vô tâm...từ đó dẫn đến không ý thức, thiếu tinh thần trách nhiệm, đại khái qua loa, rất nguy hiểm cho quá trình tiếp thu, vận dụng kiến thức cũng như việc hành nghề sau này. Người ta hay nói đến lòng yêu nghề, yêu môn học, yêu công việc như là những nguyên nhân dẫn đến thành công. Nếu ta tha thiết một cái gì đó, thì ta sẽ cố gắng hết sức để dành lấy nó, phấn đấu hết mình vì nó. Việc học tập vốn là công việc trí tuệ, phải được hướng dẫn bằng những tư tưởng tình cảm cao đẹp với khát vọng vươn lên giành thành tích cao nhất.

- Các cấp quản lý trong nhà trường chưa chú ý một cách đúng mức đến việc hướng dẫn cho sinh viên kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Sinh viên chưa được nhà trường trang bị cho những tri thức liên quan đến tự học. Ý thức và kỹ năng tự học chưa được xem là một nội dung của quản lý hoạt động học tập.

- Việc tổ chức cho sinh viên học tập chưa thực sự thu hút về kế hoạch, nội dung, phương pháp nên chưa phát huy được tính tích cực, say mê của sinh viên trong học tập. Sinh viên mất nhiều thời gian cho hoạt động học tập nhưng kết quả

học tập vẫn không đạt như mong muốn. Việc đổi mới các phương pháp giảng dạy và học tập ở bậc đại học theo hướng hiện đại là điều mà sinh viên rất cần thì mới chỉ được dạy trên lý thuyết.

- Thiếu phòng thí nghiệm, phương tiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác học tập. Đây là tình hình chung của các trường đại học ở nước ta nhưng đối với đại học đa ngành, đa lĩnh vực, đào tạo chất lượng cao như ĐHQG-HCM thì điều này khó chấp nhận.

Từ việc phân tích kết quả điều tra xã hội học về nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong hoạt động học tập của sinh viên ĐHQG-HCM chúng tôi đưa ra những kiến nghị sau:

1. Tổ chức việc học tập của sinh viên theo hướng phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu với kế hoạch, nội dung, phương pháp phù hợp và thực hiện phương châm “lấy sinh viên là trung tâm” trong mọi hoạt động học tập.

2. Xây dựng mạng lưới cố vấn học tập theo từng chi đoàn nhằm nắm bắt những khó khăn của sinh viên trong học tập để kịp thời có biện pháp hỗ trợ.

3. Kế hoạch hoá các hoạt động học tập theo hướng giúp sinh viên tiết kiệm được thời gian học tập.

4. Tăng các học phần nghiên cứu khoa học: giảm giờ lý thuyết thay bằng giờ thảo luận.

5. Cải tiến nội dung học tập của sinh viên theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, không thể để nội dung học tập của sinh viên lạc hậu.

6. Cung cấp cho sinh viên các tài liệu, sách phục vụ học tập nhất là sách giáo khoa, sách chuyên ngành cần được viết lại cho phù hợp với sự phát triển khoa học kỹ thuật.

7. Xây dựng các giáo trình về phương pháp học tập ở bậc đại học.

8. Việc đánh giá kết quả học tập có ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên. Vì thế, đứng ở góc độ quản lý, Nhà

trường cần xem xét lại cách đánh giá kết quả học tập của sinh viên để đem lại hiệu quả cao.

4. Kết luận

Với những kết quả nêu trên, chúng tôi chỉ mới bước đầu điều tra khảo sát và có được một số kết quả ban đầu khi thâm nhập vào thực tế sinh viên để tìm hiểu.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu để đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đại học mà hiện đang là một thách thức lớn, đòi hỏi sự nỗ lực, tâm huyết nhất là đối với một đại học đa ngành, đa lĩnh vực, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước như Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

SOME WEAKNESSES IN STUDENTS' STUDYING ACTIVITY MANAGEMENT AT VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY

Dinh Ai Linh
VUN-HCM

ABSTRACT: *The management of the study activities of the students is one of the contents of educational mission in universities. Good management of study activities will enhance the effectiveness of students' learning activities.*

A survey was conducted of 584 students of the member universities belonging to Vietnam National University - Ho Chi Minh City (VNU-HCMC). The findings give evidence of the learning interest of the students and the time spent on study. The VNU-HCMC student average time spent in learning is 6,6751 hours per day. Nevertheless, the management of students' study activities at VNU-HCMC was found not to have met the quality enhancement requirements.

The causes leading to the weaknesses in students' studying were found to be a lack of enthusiasm and motivation/good will.

Based on these results, the author proposes some ways to enhance the effectiveness of students' studying activity management such as: development of students' positive attitude, motivation and creativeness; curriculum innovation, establishment of a more effective network of learning guidance and counsellors; and improvement of the evaluation of study objectives.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thành Hưng, *Một số cách tiếp cận trong đánh giá chất lượng giáo dục*, Tạp chí Giáo dục ,92, Tr.7, (2004).
- [2]. Nguyễn Thạc và Phạm Thành Nghị, *Tâm lý học sư phạm đại học*, NXB Giáo dục,(1992).
- [3]. Phạm Trung Thành, *Phương pháp học tập và nghiên cứu của sinh viên Cao đẳng-Đại học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, (1999).
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy chế quản lý việc học tập của sinh viên*, (1999).
- [5]. Nguyễn Ngọc Hoi và Phạm Minh Hùng, Trường Đại học Vinh, *Đổi mới công tác kiểm tra- đánh giá kết quả học tập của sinh viên*, Tạp chí giáo dục số 49 tháng 1/2003.